

NOIGEL
SUSPENSION 15 ml.

112/9161

Magnesium Aluminosilicate 1g

15 ml x 30 Sachets

Antacid

NOIGEL
SUSPENSION 15 ml.

Composition: Each sachet 15 ml contains:

Magnesium Aluminosilicate1g

Indications, Dosage & administration, Contraindications,
Precautions, Drug Interactions, Adverse reactions:
Please see insert paper.

Storage: Store in a closed container,
at room temperature under 30 °C.

Package: 15ml x 30 Sachets

Specification: In-House

Visa No. :
Lot No. :
Mfg. Date. :
Exp. Date. :

Manufactured by:

IL YANG PHARM. CO. LTD

Address: 110 Hagal-ro, Giheung-gu, Yongin-si,
Gyeonggi-do, Republic of Korea.

BỘ Y TẾ

CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 06/10/2015

Magnesium Aluminosilicate 1g

NOIGEL

SUPENSION 15 ml



15 ml

NOIGEL

SUPENSION 15 ml

Composition: Each sachet 15 ml contains:
Magnesium Aluminosilicate1g

Indications, Dosage & administration,
Contraindications, Precautions, Drug
Interactions, Adverse reactions:
Please see insert paper.

Storage: Store in a closed container,
at room temperature under 30°C.

Package: 10ml x 1 Sachet

Specification: In-House

Visa No. :
Lot No. :
Mfg. Date :
Exp. Date :

Manufactured by:
IL YANG PHARM. CO. LTD
Address: 110 Hagel-ro, Gilheung-gu, Yongin-si,
Gyeonggi-do, Republic of Korea

Magnesium Aluminosilicate 1g

Antacid

NOIGEL

SUPENSION 15 ml



15 ml x 30 Sachets

Thành phần: Mỗi gói 15 ml chứa:
Magnesium Aluminosilicate1g

Chỉ định, Liều dùng và cách dùng, Chống chỉ định,
Thận trọng, Tương tác thuốc, Tác dụng không
mong muốn: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Bảo quản: Trong bao bì kín, ở nhiệt độ không quá 30°C.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất.

Dạng bào chế: Hỗn dịch uống

Đóng gói: 15 ml x 30 gói
DNNK :

Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Các thông tin khác để nghị xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

SDK : Xem Visa No.
Số Lô SX: Xem Lot No.
NSX : Xem Mfg. Date.
HD : Xem Exp. Date.



Sản xuất bởi:
IL YANG PHARM. CO. LTD
Address: 110 Hagel-ro, Gilheung-gu, Yongin-si,
Gyeonggi-do, Hàn Quốc.



Hướng dẫn sử dụng thuốc

NOIGEL suspension 15ml



- Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
- Để thuốc xa tầm tay trẻ em.
- Không dùng thuốc quá hạn in trên bao bì.

THÀNH PHẦN:

Mỗi gói (15 ml) chứa:

Hoạt chất: Magnesi aluminosilicat (USP32-NF27) 1g

Tá dược: Glycerin đậm đặc 0,9g, nhựa silicon 0,0333 g, D-Manitol 1,65g, avicel RC-591 vừa đủ, carboxymethylcellulose natri vừa đủ, dầu bạc hà vừa đủ, tinh dầu cam vừa đủ, chlorhexidin acetat 0,0018 g, hydrochloric acid vừa đủ, nước tinh khiết vừa đủ.

MÔ TẢ: Hỗn dịch nhớt màu trắng sữa.

DUYỆC LỰC HỌC/DUYỆC ĐỘNG HỌC:

Dược lực học:

Magnesi aluminosilicat là một antacid, có khả năng tăng pH của dịch tiết dạ dày. Với liều dùng thông thường, nhìn chung các antacid chỉ tăng và duy trì pH dạ dày không quá 4,0-5,0. Mặc dù các antacid không trung hòa hết acid dạ dày, nhưng tăng pH dạ dày từ 1,3 đến 2,3 đơn vị cũng đã trung hòa khoảng 90%, và nếu tăng pH lên 3,3 đơn vị thì đã trung hòa khoảng 99% acid dạ dày. Kết quả, lượng acid khuếch tán ngược trở lại qua niêm mạc dạ dày và lượng acid đến tá tràng giảm đi. Chưa rõ cần trung hòa bao nhiêu hay trung hòa trong bao lâu thì tối ưu cho việc chữa lành các vết loét dạ dày, tuy nhiên, hầu hết các nhà lâm sàng tin rằng pH dạ dày nên được duy trì trong khoảng từ 3-3,5 trong 24 giờ.

Dược động học:

Magnesi aluminosilicat là thuốc kiềm, khi dùng đường uống, ion dương của nó gắn với ion Cl⁻ của HCl trong dạ dày tạo thành muối. Thuốc làm tăng pH dạ dày đến > 4,0.

CHỈ ĐỊNH:

Noigel được chỉ định điều trị các triệu chứng viêm loét dạ dày tá tràng: đau vùng thượng vị, đầy hơi, ợ chua, ợ hơi, nôn, buồn nôn, cảm giác rát bỏng vùng dạ dày hay thực quản.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Uống 0,5 – 1g/lần x 3-4 lần/ngày giữa các bữa ăn.

Liều có thể điều chỉnh tùy theo tuổi và triệu chứng bệnh.

Lắc kỹ gói thuốc trước khi uống.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CÁC CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG:

Thận trọng khi sử dụng cho các bệnh nhân sau:

- Những bệnh nhân rối loạn chức năng gan.
- Những bệnh nhân có hoạt động tim bất thường.
- Bệnh nhân có lượng magnesi trong cơ thể tăng cao.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Thuốc có thể ức chế hấp thu các tetracycline
- Thuốc có thể ảnh hưởng lên hấp thu và bài tiết một số thuốc do tăng pH đường tiêu hóa.

SỬ DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Chưa có nghiên cứu dùng thuốc cho phụ nữ mang thai cho con bú do vậy nên thận trọng khi dùng.

SỬ DỤNG CHO TRẺ EM

Chưa có dữ liệu báo cáo về dùng thuốc cho trẻ em do vậy nên cân nhắc kỹ lưỡng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- Đường tiêu hóa: Đôi khi gây tiêu chảy, buồn nôn, nôn, táo bón và khô miệng.
- Tác dụng không mong muốn khác: Đôi khi có thể bị ngứa.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Có thể làm tăng cao lượng magnesi khi dùng quá liều kéo dài, bệnh nhân cần được theo dõi chặt chẽ. Dùng thuốc nếu cần.

ẢNH HƯỞNG LÊN LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Không ảnh hưởng.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Bảo quản trong bao bì kín ở nhiệt độ không quá 30°C.

DẠNG BẢO CHẾ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 30 gói x 15 ml.

TIÊU CHUẨN: Nhà sản xuất

HẠN DÙNG: 3 năm kể từ ngày sản xuất.

SẢN XUẤT BỞI:

IL – YANG PHARM. CO. LTD

Địa chỉ: 110 Hagal-ro, Giheung-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc.



TUQ. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Huy Hùng